TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN ÁN SỐ: 271/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Còn;

2. Ông Nguyễn Xuân Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 715/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1989;

Căn cước công dân số: 072189007538, ngày cấp: 19-4-2021, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: khu phố N, phường G, tỉnh Tây Ninh;

Bị đơn: Anh Vương Quốc T1, sinh năm 1990;

Căn cước công dân số: 072090009391, ngày cấp: 03-5-2022, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: khu phố N, phường G, tỉnh Tây Ninh.

Chị T và anh T1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Phương T trình bày: Chị và anh Vương Quốc T1 chung sống vợ chồng từ năm 2012, có qua tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện,

không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường G, tỉnh Tây Ninh) ngày 09-02-2012. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 4-2026 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, cả về kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau từ đó sống ly thân đến nay, nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Vương Thái H, sinh ngày 16-5-2014 và Vương Thái P, sinh ngày 09-9-2019, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con tên Vương Thái H, đồng ý giao cho anh T1 trực tiếp nuôi con tên Vương Thái P, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngày 24-6-2026, chị Nguyễn Thị Phương T có đơn xin thay đổi kết quả hòa giải ghi nhận sự tự nguyên ly hôn và hòa giải thành ngày 20-6-2026, với lý do. Anh T1 tự ý dẫn con chung tên Vương Thái P về bên gia đình anh T1, không cho chị đến thăm và đưa con đi học, anh T1 còn hâm dọa chém chị. Nên chị không đồng ý tiếp tục giao con chung là Vương Thái P cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng theo thỏa thuận và hiện nay hai con chung đang sống chung với chị. Nay chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 5.000.000 đồng, nghề nghiệp của chị hiện nay là công nhân thu nhập trung bình mỗi tháng 6.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi con. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn, anh Vương Quốc T1 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Phương T chung sống từ năm 2012, có qua tìm hiểu trước, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng theo chị T trình bày là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Vương Thái H, sinh ngày 16-5-2014 và Vương Thái P, sinh ngày 09-9-2019, hiện đang sống với chị T là đúng. Anh đồng ý giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi con tên Vương Thái H, anh trực tiếp nuôi con tên Vương Thái P, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, anh Vương Quốc T1 đồng ý giao hai con chung Vương Thái H, sinh ngày 16-5-2014 và Vương Thái P, sinh ngày 09-9-2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị T, nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng, nghề nghiệp của anh hiện nay là thợ bạc và buôn bán thu nhập trung bình mỗi tháng 6.500.000 đồng, không ổn định.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Vương Quốc T1.

- Về con chung: Giao cháu Vương Thái H, sinh ngày 16-5-2014 và cháu Vương Thái P, sinh ngày 09-9-2019 cho chị Nguyễn Thị Phương T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí sơ thẩm hôn nhân: Tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

[1.1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa anh Vương Quốc T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương T. Do đó Hội đồng xét xử công nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[1.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Vương Quốc T1 thống nhất có 02 con chung là Vương Thái H, sinh ngày 16-5-2014 và Vương Thái P, sinh ngày 09-9-2019, hiện đang sống chung với chị T. Anh T1 đồng ý giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi hai con chung. Do đó Hội đồng xét xử giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[1.3] Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/cháu), anh T1 không đồng ý. Xét thấy, hiện nay cháu H và cháu P đang sống chung với chị T và hai cháu đang đi học, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T. Buộc anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/cháu) là phù hợp theo quy định tại Điều 83 Luân Hôn nhâ và Gia đình năm 2014.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[1.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nợ chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh là có căn cứ.

[2] Về án phí: Chị T và T1 phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Vương Quốc T1.

1.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Vương Thái H, sinh ngày 16-5-2014 và Vương Thái P, sinh ngày 09-9-2019 hiện đang sống chung với chị T.

1.2. Buộc anh Vương Quốc T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/cháu) kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu H và cháu P thành niên tự lao động sinh sống được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nợ chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Anh T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ghi nhận chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011923 ngày 28-5-2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Tây Ninh, được khấu trừ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN TÂM